

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 82/2020/HS-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Đỗ Hường Dung - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2020/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 73/2020/HSST- QĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Tuấn A, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; đoàn thể, đảng phái: Không; văn hóa: 6/12; con ông Lê Ngọc T và bà Bùi Thị L; vợ, con: chưa có; quá trình hoạt động: Không; tiền sự: Không; tiền án: 03: 1. Bản án số 68/HSST ngày 20/12/2013, Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản là 5.500.000đ), ngày 08/7/2014 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 23/01/2014 thi hành xong án phí hình sự; 2. Bản án số 36/2015/HSST ngày 22/9/2015, Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, (trị giá tài sản là 6.360.000đ), ngày 14/11/2016 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 02/11/2015, thi hành xong án phí hình sự; 3. Bản án số 59/2017/HSST ngày 08/6/2017, Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản là 15.000.000đ, ngày 21/02/2019, chấp hành xong hình phạt tù; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2020 đến nay (có mặt).

Bị hại: A Trần Văn N, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn TK, xã BD, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

A Phan Văn Th, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn V, thị trấn H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Nga L, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

A Đào Văn Đ, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 24/02/2020, Lê Tuấn A cùng chị Nguyễn Thị Nga L đi ăn tối và có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên chị L nhắn tin cho A Đào Văn Đ đến đón chị L đi chơi. Lúc này, một người bạn của chị L gọi điện thoại hỏi đường đi Tam Đảo, Tuấn A nhầm tưởng có người rủ chị L đi Tam Đảo chơi nên không đồng ý và Tuấn A nghe thấy người ở trong điện thoại chửi nên nghĩ người này đang chửi mình. Sau khi ăn xong, chị L đứng ở đầu ngõ 18, đường T để đợi A Đ đến đón. Do ghen tuông nên Tuấn A đứng đợi cùng chị L. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, A Đ điều khiển xe máy BKS: 88E1-216.03 đi đến và dừng ở ven đường đối diện ngõ 18, đường T. Thấy A Đ đến, Tuấn A dùng tay phải nhặt 01 viên gạch chỉ loại gạch đặc có kích thước (0,2x0,095x0,055)m ở ven đường rồi lao đến vị trí A Đ đang dừng xe, vừa đi vừa nói: “Thằng nào lúc này chửi tao?” thì A Đ trả lời: “Em không chửi” và chị L nói: “Không phải thằng này” nhưng Tuấn A không nghe mà dùng tay phải đập viên gạch về phía A Đ, do A Đ đang ngồi trên yên xe máy nên viên gạch trúng vào phần đỉnh đầu của A Đ nhưng do A Đ đội mũ bảo hiểm nên không bị thương tích gì. Sau đó Tuấn A yêu cầu A Đ đưa chìa khoá xe máy thì A Đ đưa cho Tuấn A (mục đích để ngăn cản việc A Đ đưa chị L đi chơi). Lúc này Tuấn A tiếp tục dùng tay phải ném viên gạch về phía A Đ nhưng không ném trúng, viên gạch trúng vào kính chắn gió sau của một ô tô 04 chỗ đang đỗ trên vỉa hè. Tuấn A tiếp tục dùng tay phải ôm vít cổ và đầu A Đ xuống, rồi dùng tay trái dấm 2-3 cái vào mặt A Đ thì chị L đến và kéo Tuấn A ra. A Đ thấy vậy nên bỏ chạy về phía ngã tư giao nhau giữa đường T và đường N. Tuấn A nhặt lại viên gạch vừa ném và chạy đuổi theo nhưng không kịp nên đã vứt viên gạch ở ven đường T rồi đi bộ quay trở lại. Thấy A Đ bỏ chạy nên chị L dắt xe máy của A Đ vào vỉa hè. Lúc này Tuấn A quay trở lại, sử dụng xe máy của A Đ chở chị L về phòng trọ của Tuấn A tại ngõ 8, đường N và bảo chị L bảo Đ đến xin lỗi thì sẽ trả xe.

Khi Tuấn A điều khiển xe chở chị L đi vào ngõ 8, đường N được một đoạn ngắn, thì Tuấn A nhìn thấy A Phan Văn Th đang đi bộ ngược chiều. Thấy A TH nhìn nên Tuấn A nói: “Mày thích nhìn à?”, A Thuỷ trả lời: “Tao thích nhìn đấy, mày làm sao?”. Tuấn A thấy vậy, vừa nói: “Mày thích làm sao thì tao cho mày làm sao” vừa dừng xe máy, nhảy xuống và nhặt một viên gạch chỉ loại gạch lỗ kích thước khoảng (0,2x0,1x0,05)m ở ven rồi lao đến phía A Th. Tuấn A và A Th đứng đối diện nhau tiếp tục thách thức và trA cãi, thấy Tuấn A cầm gạch trên tay nên A T cúi người xuống định nhặt một viên gạch để tự vệ. Khi A Th đang cúi người

xuống, Tuấn A đã dùng tay phải ném viên gạch về phía A Th rồi quay người bỏ chạy. Viên gạch trúng vào vùng trán bên trái của A Th gây thương tích chảy máu. Thấy Tuấn A bỏ chạy nên A Th đuổi theo, cả hai xảy ra vật lộn ôm ghì lấy cổ nhau, Tuấn A có dùng tay trái đâm 2-3 cái vào mặt A Th. Lúc này có A Trần Văn T đến can ngăn, lợi dụng lúc này, Tuấn A bỏ chạy vào ngõ 8, đường N. A T và chị L thấy Tuấn A bỏ chạy nên đưa xe máy BKS: 88E1-216.03 về phòng trọ của A Tiến để cất giữ. Một lúc sau, Tuấn A quay lại, điều khiển xe máy trên chở chị L đi chơi ở Quảng trường H, phường K.

Sau khi sự việc xảy ra, A Đào Văn Đ và A Phan Văn Th đến Công an phường K trình báo sự việc. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan điều tra triệu tập Lê Tuấn A lên làm việc, đồng thời tạm giữ xe máy BKS: 88E1-216.03, bên trong cốp xe có 01 căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Đào Văn Đ, 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị B do chị Nguyễn Thị Nga L giao nộp.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường tại ngõ 18, đường T, phường K, thành phố V thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8; 01 viên gạch kích thước (0,2x0,095x0,055)m; khám nghiệm hiện trường tại ngõ 8, đường N thông với ngõ 11, đường L thu giữ 01 đôi dép màu đen, nhãn hiệu “srtatic control samsung”.

Ngày 12/3/2020, Công an thành phố V có Quyết định trưng cầu giám định số: 108 trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định thương tích của Đào Văn Đ. A Đào Văn Đ từ chối giám định thương tích, Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải A Đ đến Trung tâm pháp y để giám định thương tích nhưng A Đ tiếp tục từ chối, do vậy Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc không tiến hành giám định thương tích đối với A Đào Văn Đ.

Tại bản kết luận giám định số: 149 ngày 09/4/2020, Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận đối với thương tích của A Phan Văn Th: Dấu hiệu qua giám định: *Sẹo vết thương phần mềm vùng thái dương bên trái xếp: 01%; Thương tích đã mô tả trên là do vật tày gây nên; Thương tích đã mô tả trên không có trong da mục để lại có tật; Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể xếp: 01%.*

Trong quá trình điều tra, Lê Tuấn A còn khai nhận trước đó đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên, cụ thể:

Tối ngày 25/11/2019, Lê Tuấn A mượn xe đạp điện của chị Dương Thị M (nhân viên làm cùng Tuấn A ở nhà hàng Đ ở thị trấn Y, huyện Y) để đi chơi điện tử một quán game tại phường K, thành phố V. Đến 00 giờ ngày 26/11/2019, do hết tiền nên Tuấn A nảy sinh ý định đi lang thang tìm ai có tài sản sơ hở để trộm cắp. Lê Tuấn A một mình đi bộ từ quán đến đường L, phường K, khi đi đến ngôi nhà số 36, đường L, phường K đang xây dựng, quan sát thấy nhà chưa lắp cửa, bên trong có 4 nam thanh niên đang nằm ngủ. Tuấn A đi vào tầng 1 ngôi nhà đến vị trí giường nằm và lấy 1 chiếc ba lô màu đen để tại vị trí đầu giường bên trái của A Trần Văn

N. Kiểm tra ba lô, Tuấn A phát hiện có một số quần áo và 01 ví bên trong có 300.000đ, 01 thẻ ATM, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên A Trần Văn N. Tuấn A lấy trộm ba lô rồi đi bộ đến ngõ 1, đường N ngủ ở ghế đá ven đường đến 04 giờ 30 phút cùng ngày thì Tuấn A đi bộ quay lại quán game lấy xe rồi đi về nhà hàng Đ. Số tiền 300.000đ Tuấn A lấy tiêu sái cá nhân hết, vứt bỏ chiếc ví da. Thẻ ATM, Tuấn A đến cây ATM ở trước chi nhánh ngân hàng Công thương Việt Nam trên đường ML, phường K để rút tiền nhưng không biết mật khẩu nên Tuấn A đã vứt bỏ, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được. Chứng minh nhân dân Tuấn A dán ảnh mình vào để sử dụng cùng giấy phép lái xe nhưng chưa sử dụng vào mục đích nào. Ngày 24/02/2020, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Tuấn A 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Trần Văn N.

Ngày 26/02/2020, A Trần Văn N đến Công an thành phố V trình báo sự việc A bị trộm cắp tài sản như trên.

Tại Cáo trạng số: 79/CT- VKSNDTPVY-VP ngày 25/5/2020, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Tuấn A khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng lời khai tại Cơ quan điều tra phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tuấn A từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam. Áp dụng điểm b khoản 1, 2, Điều 47, khoản 1 điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Xác nhận cơ quan điều tra đã thu và trả lại cho A Trần Văn N 01 giấy phép lái xe; trả lại cho bà Nguyễn Thị B xe máy BKS: BKS: 88E1-216.03 cùng 01 đăng ký xe; trả lại cho A Đào Văn Đ 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8. Tịch thu tiêu hủy 01 chứng minh thư mang tên Trần Văn N; 01 đôi dép; 01 viên gạch chỉ loại gạch. Buộc bị cáo Lê Tuấn A bồi thường cho A Trần Văn N số tiền 300.000đ; bồi thường cho A Phan Văn Thủy số tiền 5.000.000đ.

Bị cáo không bào chữa và trả lời luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Lê Tuấn A tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 00 giờ ngày 26/11/2020, tại số nhà 36 đường L, phường K, thành phố V, bị cáo Lê Tuấn A có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc ba lô bên trong có 01 ví da đựng số tiền 300.000đ của A Trần Văn N và khoảng 21 giờ ngày 24/02/2020, tại ngõ 8, đường N, phường K, thành phố V, bị cáo Đào Văn Đ dùng gạch ném gây thương tích phần mềm vùng thái dương bên trái, tỷ lệ tổn hại sức khỏe 1% cho A Phan Văn Th.

Do bị cáo có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi trộm cắp số tiền 300.000đ của A N đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá ... dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;".

Đối với hành vi dùng gạch là hung khí nguy hiểm ném vào đầu A TH của bị cáo trong khi bị cáo và A TH không quen biết, mâu thuẫn thể hiện tích chất côn đồ của bị cáo. Ngoài ra hành vi gây thương tích cho A TH của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” nên hành vi nêu trên của bị cáo Lê Tuấn A đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Nội dung điểm a, i khoản 1; điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể ... dưới 11 % nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm...;

i) Có tính chất côn đồ;".

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

d) Tái phạm nguy hiểm;".

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp

luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng và bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 06 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên, xét thấy đây là tình tiết định tội đối tội trộm cắp tài sản và tình tiết định khung đối với tội cố ý gây thương tích của bị cáo nên không áp dụng tình tiết này làm tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Thể hiện bị cáo là đối tượng rất coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định và tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với hành vi bị cáo dùng gạch đập, dùng tay đánh vào người A Đ. Tuy nhiên, A Đ từ chối giám định thương tích nên không xác định được tỷ lệ tổn thương sức khỏe và A Đ không có yêu cầu, đề nghị gì với bị cáo về hành vi này. Do vậy, không có đủ căn cứ để khởi tố bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích cho A Đ. Ngày 16/4/2020, Công an thành phố V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành

chính đối với bị cáo về hành vi xâm hại sức khỏe của A Đ là phù hợp, đúng pháp luật.

Đối với hành vi bị cáo Lê Tuấn A dùng gạch đập, dùng tay đánh vào người A Đ và yêu cầu A Đ đưa chìa khoá xe máy BKS: 88E1-216.03 mục đích bị cáo đánh A Đ để dọa, ngăn chặn việc A Đ sử dụng xe máy đưa chị L đi chơi. Do A Đ bị đánh hoảng sợ bỏ chạy và để lại xe máy ở hiện trường, nên chị L đã cất giữ xe máy của A Đ Đức còn bị cáo đuổi theo Đ mà không giữ xe của Đ. Sau đó bị cáo sử dụng xe máy này để đưa chị L về phòng trọ và đi chơi, bị cáo không có mục đích chiếm đoạt xe máy mà mục đích giữ chìa khoá xe và yêu cầu A Đ xin lỗi thì sẽ trả xe chứ không có mục đích chiếm đoạt xe máy BKS: 88E1-216.03 của A Đào Văn Đ, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi bị cáo dùng gạch ném A Đ nhưng bị trượt trúng vào cửa kính phía sau xe ô tô 04 chỗ đỗ trên vỉa hè đường Tôn Đ Thắng có dấu hiệu của tội Hủy hoại tài sản. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương chưa có trường hợp nào trình báo về sự việc nêu trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi thay ảnh của bản thân vào chứng minh thư của A N mục đích để xin việc làm, quá trình điều tra xác định Tuấn A chưa sử dụng chứng minh thư trên vào việc gì, chưa gây ra hậu quả, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý bị cáo về hành vi làm giả hay sử dụng giấy tờ giả là đúng pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi xảy ra sự việc A Phan Văn Thuỷ yêu cầu bị cáo Lê Tuấn A bồi thường cho A số tiền 5.000.000đ. A Trần Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 300.000đ, còn ba lô, chiếc ví, thẻ ATM và chứng minh thư, A N không có yêu cầu. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của A TH và A N nhưng bị cáo chưa có tiền bồi thường, khi nào bị cáo có tiền sẽ bồi thường nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho A TH và A N là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe máy BKS 88E1-216.03 là tài sản của bà Nguyễn Thị B (mẹ của Đào Văn Đ); 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Đào Văn Đ, 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 là tài sản của A Đào Văn Đ. Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 bị rơi vỡ tại hiện trường trong lúc A Đ và Tuấn A đánh nhau, điện thoại bị vỡ mặt kính, giá trị thiệt hại nhỏ nên A Đ không yêu cầu đề nghị gì. Ngày 18/4/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị B xe máy BKS: BKS: 88E1-216.03 cùng 01 đăng ký xe, trả lại cho A Đào Văn Đ 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Đào Văn Đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8, bà B và A Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 viên gạch chỉ loại gạch đặc có kích thước (0,2x0,095x0,055)m thu giữ ở ven đường ngõ 18, Tôn Đ Thắng, phường Khai Quang là hung khí bị cáo sử dụng để đánh A Đ, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với đôi dép thu tại hiện trường, quá trình điều tra xác định không phải là dép của những người có liên quan đến vụ việc nên xác định không phải vật chứng của vụ án, hiện không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc ba lô, ví da và thẻ ATM sau khi trộm cắp được của A N đã bị vứt bỏ, hiện không thu giữ được và A N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Trần Văn N thu giữ của bị cáo là tài sản của A N, Cơ quan điều tra đã trả cho A N, A N đã nhận lại tài sản. Đối với chứng minh thư bị cáo thay ảnh của bị cáo vào chứng minh thư, mục đích để sử dụng xin việc nhưng trong hồ sơ xin việc của công ty không yêu cầu cung cấp chứng minh thư. Do bị cáo đã thay ảnh bị cáo vào chứng minh thư nên A N không nhận lại giấy tờ này và không có yêu cầu đề nghị gì nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Tuấn A chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 26/02/2020).

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2, Điều 47; khoản 1 điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lê Tuấn A bồi thường cho A Trần Văn N số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và bồi thường cho A Phan Văn Thủy số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tịch thu tiêu hủy 01 chứng minh thư mang tên Trần Văn N; 01 đôi dép; 01 viên gạch (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2020).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Tuấn A phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKDND TP V;
- Công an TP V;
- Trại tạm giam-CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS TP V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Mẫu Văn Mùi